

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 95/2022/HS-ST
Ngày 26-12-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Hải

Bà Lục Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 26-12-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-QĐ ngày 02-12-2022 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 42/TB-THS ngày 15-12-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 26-6-1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị B (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2022 đến nay; có mặt.

2. Hoàng Trung Đ, sinh ngày 20-02-2001 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-5-2022 đến nay; có mặt.

3. Trần Văn T, sinh ngày 29-6-1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng

ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Mạnh Q và bà Thăng Thị L; có vợ: Hoàng Thị N, chưa có con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2022 đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 13-6-2000 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Việt H và bà Dương Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2022 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Dương Thị L, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Bà Thăng Thị L, địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 ngày 15-5-2022, tại khu vực xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang Hoàng Trung Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88A-170.69 chở 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14-5-2022, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0352.207.251 gọi điện thuê Nguyễn Văn T lên huyện Q, tỉnh Cao Bằng đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép; Nguyễn Văn T đồng ý và rủ Nguyễn Trần Hoàng A đi cùng. Nguyễn Văn T điều khiển xe biển kiểm soát 30E-741.60 cùng Nguyễn Trần Hoàng A di chuyển lên Cao Bằng.

Khi đi qua địa phận thành phố L, Nguyễn Văn T tiếp tục nhận được điện thoại từ số 0352.207.251 nhờ Nguyễn Văn T tìm thêm 02 xe nữa để lên Cao Bằng đón khách; Nguyễn Văn T lần lượt gọi điện thoại cho Trần Văn T và

Hoàng Trung Đ bảo đi lên Cao Bằng đón khách. Sau khi Trần Văn T và Hoàng Trung Đ đồng ý, Nguyễn Văn T đưa điện thoại của mình cho Nguyễn Trần Hoàng A và bảo Nguyễn Trần Hoàng A gửi số điện thoại của Hoàng Trung Đ và Trần Văn T cho người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 qua ứng dụng Telegram. Nguyễn Trần Hoàng A làm theo ý kiến của Nguyễn Văn T rồi hỏi Nguyễn Văn T đón khách nào mà cần phải gọi thêm xe, lúc này Nguyễn Văn T mới nói cho Nguyễn Trần Hoàng A biết việc đi đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A đến ngã ba Q, tỉnh Cao Bằng. Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 và nhận được chỉ dẫn đến địa điểm đón khách qua ứng dụng Telegram; Nguyễn Văn T đã đón được 02 người Trung Quốc tại khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi khách lên xe, Nguyễn Văn T nhận được điện thoại video qua Telegram của số điện thoại 0352.207.251 để xác nhận đã đón đúng khách, rồi người này bảo Nguyễn Văn T đưa khách đến cầu N, tỉnh Bắc Ninh sẽ có người đón.

Trên đường đưa khách về cầu N, Nguyễn Văn T gặp xe của Trần Văn T đang đỗ cạnh đường nên đã dừng xe, qua nói chuyện thì được biết người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 dặn Trần Văn T dừng xe tại đây, khi nào gọi thì đi chuyển đón khách; Nguyễn Văn T tiếp tục điều khiển xe đi được khoảng 40km thì gặp Hoàng Trung Đ đang đỗ xe ở cạnh đường, Nguyễn Văn T bảo cô đợi sẽ có người liên lạc để đón khách. Sau đó, Nguyễn Văn T được người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 gửi cho số điện thoại 0765.439.570 để liên lạc trả khách.

Khi điều khiển xe đến đầu đường cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang, Nguyễn Văn T đổi lái với Nguyễn Trần Hoàng A. Đến 05 giờ 30 phút ngày 15-5-2022, Nguyễn Văn T gọi điện cho số điện thoại 0765.439.570 thì được người này cho biết đã có xe ô tô màu trắng, có số đầu biển là 92A số cuối là 38 đang chờ đón khách; Nguyễn Văn T đã cho 02 người khách từ xe của mình lên xe ô tô đang chờ, rồi gọi điện thoại báo cho người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 biết và gửi số tài khoản 1017629695 của Nguyễn Văn T mở tại Ngân hàng V để nhận tiền công.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 15-5-2022, tài khoản của Nguyễn Văn T nhận được số tiền 16.000.000 đồng, đến 11 giờ cùng ngày tài khoản của Nguyễn Văn T tiếp tục nhận được 24.000.000 đồng. Do nhận được số tiền lớn nên Nguyễn Văn T đã gọi điện cho người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 thì được giải thích đã chuyển trả tiền công theo đầu khách, mỗi khách là 4.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn T chuyển vào tài khoản của Trần Văn T 18.000.000 đồng, số tiền còn lại là 22.000.000 đồng, Nguyễn Văn T chuyển vào tài khoản của vợ là chị Nguyễn Thị H 19.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng Nguyễn Văn T đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với Trần Văn T: Sau khi nhận được điện thoại của Nguyễn Văn T, Trần Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-435.10 di chuyển theo hướng

đi Cao Bằng. Trên đường đi, Nguyễn Văn T nhiều lần gọi điện cho Trần Văn T để hỏi đi đến đâu rồi đồng thời bảo lát nữa sẽ có người liên lạc với Trần Văn T để hướng dẫn đón khách. Trần Văn T nhận được điện thoại từ số máy 0352.207.251 thông báo đến thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì dừng lại, khi nào khách ra sẽ gọi thì mới di chuyển tiếp. Khi đang đỗ để chờ gọi đón khách, Trần Văn T gặp Nguyễn Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A điều khiển xe đi ngược chiều nhưng không biết Nguyễn Văn T đón được bao nhiêu khách.

Đến khoảng hơn 05 giờ sáng ngày 15-5-2022, Trần Văn T nhận được điện thoại từ số máy 0352.207.251 bảo mở GPS chỉ đường đến khu vực có biển báo “Hạ Lang kính chào quý khách” để đón khách; tại đây Trần Văn T đón được 04 người khách. Người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 gọi điện bảo Trần Văn T quay video 04 người khách và gửi số điện thoại 0765.739.570 cho Trần Văn T để liên lạc trả khách. Đến khoảng 11 giờ ngày 15-5-2022, Trần Văn T thực hiện xong việc trả khách và thông báo cho Nguyễn Văn T biết. Sau khi được Nguyễn Văn T chuyển vào tài khoản 18.000.000 đồng tiền công đón khách, Trần Văn T đã chuyển toàn bộ số tiền nói trên vào tài khoản của vợ là chị Hoàng Thị N.

Đối với Hoàng Trung Đ: Sau khi nhận được điện thoại của Nguyễn Văn T, Hoàng Trung Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88A-170.69 di chuyển lên Cao Bằng đón khách. Quá trình di chuyển, Hoàng Trung Đ nhận được điện thoại từ số 0352.207.251 hướng dẫn dừng, di chuyển đón khách. Theo sự chỉ dẫn, Hoàng Trung Đ đi đến ngã ba huyện Q, tỉnh Cao Bằng rồi tiếp tục di chuyển khoảng 20 phút nữa thì đến vị trí đón khách và đã đón được 04 người khách đi ra từ bãi ngô. Sau đó, người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 gọi điện bảo Hoàng Trung Đ quay video để xác nhận đã đón đúng khách và thông báo địa điểm trả khách tại cầu N, tỉnh Bắc Ninh với tiền công là 4.000.000 đồng/khách. Trên đường di chuyển, Hoàng Trung Đ nhận được điện thoại của Nguyễn Văn T hỏi đã đón được khách chưa, Hoàng Trung Đ cho biết đã đón được khách. Khi Hoàng Trung Đ điều khiển xe đi đến địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện, bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn khai nhận: Trước đó, ngày 04-5-2022, Nguyễn Văn T được người phụ nữ tên là H (không biết họ), sinh năm 1978 ở thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bạn cùng làm nghề lái taxi đã cho bị cáo số điện thoại 0352.207.251 của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ để liên lạc đón khách tại huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa đến cầu N, tỉnh Bắc Ninh; sau khi trả khách, Nguyễn Văn T được H trả 3.000.000 đồng tiền công.

Bản Cáo trạng số 115/CT-VKSLS-P2 ngày 27-10-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Hoàng Trung Đ, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Chị Hoàng Thị N và chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Hoàng Thị N được chồng là Trần Văn T chuyển vào tài khoản 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H được chồng là Nguyễn Văn T chuyển khoản 19.000.000 đồng; các chị không biết đó là tiền do phạm tội mà có; nay chị Hoàng Thị N và chị Nguyễn Thị H đã nộp lại toàn bộ số tiền đã được nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Trung Đ, Trần Văn T, Nguyễn Trần Hoàng A phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 năm đến 07 năm tù;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Trung Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 20 tháng tù đến 26 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu, sung Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Nguyễn Văn T là 22.000.000 đồng, đối với bị cáo Trần Văn T là 18.000.000 đồng. Do gia đình bị cáo Trần Văn T đã nộp 18.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 19.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận nội dung này và tiếp tục truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng.

Về vật chứng và án phí: Tịch thu hóa giá những chiếc điện thoại mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả bị cáo tài sản, giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội; buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, nên ngày 14 và ngày 15-5-2022, bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Trung Đ, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A đã có hành vi chở người nhập cảnh trái phép. Trong đó, bị cáo Trần Văn T chở 04 người, bị cáo Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Trần Hoàng A chở 02 người và đều đã thực hiện trót lọt; riêng bị cáo Hoàng Trung Đ bị phát hiện bắt quả tang khi đang chở 04 người nhập cảnh trái phép. Mặc dù Hoàng Trung Đ và Trần Văn T được Nguyễn Văn T gọi đi chở khách nhưng Hoàng Trung Đ và Trần Văn T không được biết số lượng khách cần chở; không được bàn bạc, hỗ trợ nhau trong việc đón trả khách; các bị cáo thực hiện việc đón trả khách theo sự chỉ đạo của người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 và thực tế vị trí đón khách, thời gian đón khách của các bị cáo khác nhau. Đối với Nguyễn Trần Hoàng A, sau khi gửi số điện thoại của Hoàng Trung Đ và Trần Văn T cho người sử dụng số điện thoại 0352.207.251, Nguyễn Trần Hoàng A mới biết việc đi đón khách nhập cảnh trái phép và không biết số lượng khách mà Trần Văn T, Hoàng Trung Đ đã đón được. Vì vậy, các bị cáo Hoàng Trung Đ, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng khách thực tế mà từng bị cáo đã chở. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn T, khi biết người sử dụng số điện thoại 0352.207.251 cần xe chở khách nhập cảnh trái phép, Nguyễn Văn T đã rủ Nguyễn Trần Hoàng A đi cùng và gọi Trần Văn T, Hoàng Trung Đ tham gia chở khách và là người nhận tiền công chở đối với 10 người khách nhập cảnh trái phép. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng người nhập cảnh trái phép do chính bị cáo và các bị cáo Hoàng Trung Đ, bị cáo Trần Văn T đã chở.

[3] Với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Trung Đ, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất ổn định xã hội tại địa phương

nhất là khu vực biên giới. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Để có căn cứ quyết định mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng chống tội phạm; Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá nhân thân, vai trò của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra.

[6] Các bị cáo đều là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi mà cố ý thực hiện.

[7] Về nhân thân và vai trò của các bị cáo: Ngoài lần phạm tội này, cả 04 bị cáo đều là người chưa có tiền án tiền sự nên được coi là người có nhân thân tốt. Xét về vai trò, bị cáo Nguyễn Văn T là người có vai trò cao nhất, bị cáo Hoàng Trung Đ và bị cáo Trần Văn T có vai trò ngang nhau, bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn T và có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tăng trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, cả 04 bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của bản thân. Vì vậy, cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, Công an thị trấn C đã có văn bản xác nhận ngày 20-4-2022, Trần Văn T đã cung cấp thông tin cho Công an thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang 07 đối tượng có hành vi đánh bạc và đã bị Công an thị trấn C đã lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; ngày 24-12-2021, Nguyễn Trần Hoàng A đã cung cấp thông tin cho Công an thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang bắt giữ 01 đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử bằng Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13-4-2022. Vì vậy, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Sau khi biết bị cáo Hoàng Trung Đ bị bắt, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T còn có ông nội là Nguyễn B được tặng Huân chương kháng chiến, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính là 19.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A có ông nội là Nguyễn Viết H được tặng Huân chương kháng chiến, được Ban chấp hành Trung ương hội khuyến học Việt Nam tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp khuyến học và có ông ngoại là Dương Xuân H được tặng Huy chương kháng chiến; gia đình bị cáo ủng hộ quỹ phòng chống Covid với số tiền là 1.000.000 đồng, đóng góp xây dựng nhà văn hóa số tiền 2.000.000 đồng và bị cáo tham gia chốt trực phòng chống Covid. Bị cáo Trần Văn T đã có thời gian tham gia quân tự vệ; gia đình bị cáo có đóng góp xây dựng nhà văn hóa với số tiền 2.000.000 đồng, ủng hộ tổ Covid - 19

số tiền là 1.000.000 đồng; bị cáo tham gia trực chốt phòng chống dịch bệnh đợt 1, 2 tại tổ dân phố N và gia đình bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[11] Do bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng và là người có vai trò thấp nhất trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung, để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo cho tốt.

[12] Đối với bị cáo Trần Văn T, mặc dù bị cáo cũng có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng, nhưng do bị cáo có vai trò tích cực và đã chở trót lọt 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Vì vậy, việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T sẽ không đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng chống tội phạm tại địa phương.

[13] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[14] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Văn T đã nhận được tổng số 40.000.000 đồng, sau đó đã chuyển vào tài khoản của vợ là chị Nguyễn Thị H 19.000.000 đồng, chuyển cho Trần Văn T 18.000.000 đồng; sau khi nhận tiền, Trần Văn T đã chuyển toàn bộ số tiền nói trên vào tài khoản của vợ là chị Hoàng Thị N. Vì đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Do chị Hoàng Thị N đã nộp 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H đã nộp 19.000.000 đồng tại Cục T tình Lạng Sơn, nên cần truy thu đối với Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 3.000.000 đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước; đối với điện thoại di động và giấy tờ tùy thân, giấy phép lái xe không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 03 chiếc xe ô tô mà các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Hoàng Trung Đ đã sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả các bị cáo không phải là chủ sở hữu đối với tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu trước khi vụ án được đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Đối với 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, trong đó có 06 người nhập cảnh trót lọt, không xác định được thông tin; còn 04 người bị bắt quả tang đã bị xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính.

[17] Đối với 02 người Trung Quốc mà Nguyễn Văn T đã chở vào ngày 04-5-2022. Do chỉ có lời khai của bị cáo và không có đủ cơ sở để xác định 02 người khách này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự của Nguyễn Văn T về hành vi này.

[18] Đối với người đã cho Nguyễn Văn T số điện thoại 0352.207.251, theo lời khai của Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả: Tại tổ dân phố M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang có công dân Hoàng Thị H, sinh năm 1978 làm nghề lái xe nhưng hiện nay Hoàng Thị H không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không thể làm rõ mức độ liên quan của Hoàng Thị H đến vụ án, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[19] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0352.207.251 mà các bị cáo khai nhận là người liên lạc, hướng dẫn di chuyển đón khách: Cơ quan điều tra đã phối hợp với Tập đoàn Viễn thông quân đội, lấy lời khai đối với chủ thuê bao của số điện thoại nói trên, kết quả: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 07 Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa không được sử dụng số điện thoại 0352.207.251; không quen biết các bị cáo nên không có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị L có liên quan đến vụ án.

[20] Đối với người sử dụng số điện thoại 0765.439.570 là người mà Nguyễn Văn T, Trần Văn T liên lạc để giao khách: Cơ quan điều tra đã xác chủ thuê bao của số điện thoại nói trên là Công ty TNHH A, địa chỉ: Tại số 43-45-47 đường nội khu H, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh và Võ Minh T thành lập vào năm 2015. Võ Minh T chỉ sử dụng số điện thoại nói trên trong khoảng 01 tháng rồi không sử dụng nữa, Võ Minh T không quen biết các bị cáo trong vụ án. Tại thời điểm ngày 14 và ngày 15-5-2022, số thuê bao 0765.439.570 xuất hiện tại địa danh quận L thành phố Đ, do đó không có đủ căn cứ xác định Võ Minh T liên quan đến vụ án.

[21] Đối với xe ô tô nhận khách từ Nguyễn Văn T và Trần Văn T tại khu vực đường gom qua cầu N – Bắc Ninh, Cơ quan An ninh điều tra đã làm việc với Công an phường Đ, thành phố B xác định khu vực trên không có hệ thống camera giám sát an ninh nên không xác định được xe ô tô đã đón khách ngày 15-5-2022.

[22] Đối với người chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Văn T: Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng V của Nguyễn Văn T xác định tài khoản trên được chuyển từ dịch vụ chuyển tiền của Viettel. Qua điều tra xác định có 02 mã giao dịch liên quan gồm 01 mã chuyển tiền từ cửa hàng Viettel trung tâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn và 01 mã tại cửa hàng Viettel trung tâm huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tiến hành làm việc với cửa hàng nhưng do cửa hàng không thu giữ dữ liệu Camera trong thời gian diễn ra giao dịch không thể xác minh, làm rõ được đối tượng đã chuyển tiền cho Nguyễn Văn T.

[23] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[24] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Trung Đ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 và điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Trung Đ, Trần Văn T và Nguyễn Trần Hoàng A phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 20-5-2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Trung Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 15-5-2022.

2.3 Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 20-5-2022.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 20-5-2022.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 22.000.000 đồng. Xác nhận gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 19.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000557 ngày 26-12-2022 tại Cục T tỉnh Lạng Sơn; tiếp tục truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Trần Văn T số tiền 18.000.000 đồng. Xác nhận gia đình bị cáo Trần Văn T đã nộp 18.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000558 ngày 26-02-2022 tại Cục T tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động IPHONE, màu trắng bạc, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 359401086015036; bên trong có lắp một sim Viettel; thu giữ của Hoàng Trung Đ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI1: 868683401745872, IMEI2: 868683041745864 bên trong máy có lắp 02 thẻ sim Viettel: Sim 1 có dãy số 89894048000050361633; sim 2 có dãy số 8984048000336595548; thu giữ của Nguyễn Văn T

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 353141112947846, IMEI2: 353141117947841, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel trên sim có dãy số 8984048000384109753; thu giữ của Nguyễn Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 867273030426048, IMEI 2: 867273030426055, bên trong máy có lắp 01 sim Viettel có dãy số 8984048000009920619; thu giữ của Trần Văn T.

4.2. Trả lại cho bị cáo Hoàng Trung Đ:

- 01 (một) điện thoại di động Redmi, màu đỏ, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863384046640755/01, IMEI 2: 863384046640763/01; bên trong có lắp một sim mobifone.

- 01 căn cước công dân số 024201011016 mang tên Hoàng Trung Đ.

4.3. Trả bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 024087012487 do Cục CSQLHC về TTXH – BCA cấp ngày 17-12-2021, mang tên Nguyễn Văn T.

4.4. Trả bị cáo Nguyễn Trần Hoàng A:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 122357871 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05-5-2017, mang tên Nguyễn Trần Hoàng A;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu xanh dương, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI1: 356403879697478; IMEI2: 356403879618375, bên trong máy có lắp 01 thẻ sim Viettel có dãy số 89840480003168991420; thu giữ của Nguyễn Trần Hoàng A.

4.5. Trả bị cáo Trần Văn T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121764449 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 24-6-2016, mang tên Trần Văn T.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục T tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31 tháng 10 năm 2022).

5. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Trung Đ, Trần Văn T, Nguyễn Trần Hoàng A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở T tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
-
- Cục T tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy